

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SỞ, BAN NGÀNH TỈNH SÓC TRĂNG
(Kèm theo Công văn số: /STC-NS ngày tháng năm 2024 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	CÁCH CHẤM ĐIỂM	TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6,50		
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước	3,00		
6.1.1	Xây dựng và cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1,00	<p>1. Xây dựng và cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ (QCCTNB), quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm hiện hành đầy đủ, kịp thời: 0,5 điểm.</p> <p>2. Cơ quan xây dựng QCCTNB gửi quy chế đến cơ quan quản lý cấp trên (đối với cơ quan thực hiện chế độ tự chủ là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Sở) hoặc gửi quy chế đến cơ quan tài chính (đối với cơ quan thực hiện chế độ tự chủ trực thuộc UBND tỉnh) để theo dõi, giám sát: 0,5 điểm.</p> <p>- Trường hợp gửi quy chế đến cơ quan quản lý cấp trên:</p> <p>+ Nếu cơ quan quản lý cấp trên yêu cầu cơ quan xây dựng QCCTNB điều chỉnh quy chế cho phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thì cơ quan xây dựng QCCTNB hoàn chỉnh theo ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên và gửi lại cơ quan quản lý cấp trên.</p> <p>+ Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên chưa phát hiện QCCTNB vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành nên không có văn bản yêu cầu cơ quan xây dựng quy chế điều chỉnh lại quy chế, thì cơ quan xây dựng quy chế phải chứng minh thời gian gửi QCCTNB đến cơ quan quản lý cấp trên để kiểm tra, phục vụ việc chấm điểm.</p> <p>- Trường hợp gửi quy chế đến cơ quan tài chính:</p> <p>+ Nếu cơ quan tài chính yêu cầu cơ quan xây dựng QCCTNB điều chỉnh quy chế cho phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thì cơ quan xây dựng QCCTNB hoàn chỉnh theo ý kiến của cơ quan tài chính và gửi lại cơ quan tài chính.</p> <p>+ Trường hợp cơ quan tài chính chưa phát hiện QCCTNB vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành nên không có văn bản yêu cầu cơ quan xây dựng quy chế điều chỉnh lại quy chế, thì cơ quan xây dựng QCCTNB phải chứng minh thời gian gửi QCCTNB đến cơ quan tài chính để kiểm tra, phục vụ việc chấm điểm.</p> <p>3. Trường hợp đơn vị tiếp tục sử dụng QCCTNB của năm trước có chứng minh QCCTNB của năm trước còn phù hợp với quy định hiện hành, qua kiểm tra QCCTNB Hội đồng chưa phát hiện vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành: 1,00 điểm.</p> <p>4. Trường hợp xây dựng và cập nhật, bổ sung chưa đầy đủ, không kịp thời hoặc không xây dựng: 0 điểm.</p> <p><i>* Lưu ý: Áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ).</i></p>	<p>- Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm hiện hành (Trường hợp có sửa đổi, bổ sung thì cung cấp quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, bổ sung và quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi, bổ sung).</p> <p>- Trường hợp đơn vị tiếp tục sử dụng QCCTNB của năm trước thì chứng minh (kèm theo các tài liệu liên quan, ví dụ: Biên bản họp Ban Chấp hành Công đoàn; Biên bản Hội nghị công chức,...) QCCTNB của năm trước còn phù hợp với quy định hiện hành.</p> <p>- Việc chứng minh thời gian gửi quy chế về cơ quan cấp trên/cơ quan tài chính để kiểm tra, phục vụ chấm điểm (trong trường hợp cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính không có văn bản yêu cầu cơ quan xây dựng quy chế điều chỉnh lại quy chế), ví dụ: Trên phần mềm thì chụp màn hình tại đơn vị đã gửi QCCTNB đến cơ quan cấp trên/cơ quan tài chính.....</p> <p>- Công văn có ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).</p> <p>- Công văn có ý kiến của cơ quan tài chính (nếu có).</p> <p>- Công văn thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).</p> <p>- Công văn thống nhất của cơ quan tài chính (nếu có).</p>

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	CÁCH CHẤM ĐIỂM	TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
6.1.2	Công khai dự toán năm hiện hành và quyết toán ngân sách năm trước liền kề theo quy định.	1,00	<p>1. Công khai ngân sách đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai dự toán, thu chi NSNN (biểu số 02 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC) đúng thời gian quy định: 0,2 điểm. - Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước quý I/06 tháng/quý III (biểu số 03 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC) đúng thời gian quy định: <ul style="list-style-type: none"> + Quý I: 0,2 điểm. + 6 tháng: 0,2 điểm. + Quý III: 0,2 điểm. - Công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước (năm trước liền kề) theo biểu số 04 theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC: 0,2 điểm. <p>2. Trường hợp không công khai hoặc chưa đúng biểu; trễ thời gian quy định thì nội dung đó không có điểm.</p> <p><i>* Lưu ý: Áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ).</i></p>	Văn bản công khai dự toán ngân sách năm hiện hành và quyết toán ngân sách năm trước liền kề, kèm các mẫu biểu công khai theo quy định (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập).
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị năm trước liền kề	1,00	<p>1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị: 0,5 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện đầy đủ nội dung, đúng mẫu biểu theo quy định: 0,25 điểm. - Gửi về Sở Tài chính chậm nhất ngày 28 tháng 02 năm sau (theo đầu đến của Sở Tài chính): 0,25 điểm. <p>2. Tình hình thanh tra, kiểm toán: 0,5 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: <ul style="list-style-type: none"> + Không có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính: 0,5 điểm. + Trường hợp có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về tài chính: 0 điểm. - Không có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: hạ điểm chuẩn. <p><i>* Lưu ý: Áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ).</i></p>	<p>1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị thực hiện chế độ tự chủ báo cáo với cơ quan cấp trên hoặc cơ quan tài chính (trường hợp cơ quan không có đơn vị cấp dưới trực thuộc) theo Mẫu số 06. - Đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo về cơ quan tài chính theo Mẫu số 07. <p>2. Kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề (Trường hợp không có thanh tra, kiểm toán thì báo rõ để phục vụ cho việc chấm điểm).</p>
6.2	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên tăng loại mức độ tự chủ tài chính so với giai đoạn trước	0,50	<p>1. Đạt 1 trong 2 nội dung sau: 0,5 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thêm đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên tăng lên tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. - Có thêm ĐVSNCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên tăng lên tự đảm bảo chi thường xuyên. <p>2. Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên có một đơn vị sự nghiệp, mà đơn vị sự nghiệp đó không có nguồn thu thì hạ điểm chuẩn (Cơ quan quản lý cấp trên giải trình để phục vụ cho việc chấm điểm).</p> <p>3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập không tăng loại mức độ tự chủ tài chính hoặc chưa được UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính: 0 điểm.</p> <p>4. Trường hợp năm trước liền kề đơn vị đã được chấm điểm tối đa thì năm hiện hành hạ chuẩn.</p>	Cung cấp quyết định giao quyền tự chủ tài chính của Chủ tịch UBND tỉnh cho đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi loại hình (02 giai đoạn).
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập.	3,00		
6.3.1	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính	1,00	<ul style="list-style-type: none"> - 100% ĐVSNCL được giao quyền tự chủ tài chính: 1 điểm. - Từ 50% đến dưới 100% ĐVSNCL được giao quyền tự chủ: 0,5 điểm. - Dưới 50% ĐVSNCL được giao quyền tự chủ: 0 điểm. <p><i>* Lưu ý: Đơn vị chủ quản thống kê số lượng kèm tài liệu kiểm chứng để kiểm tra.</i></p>	Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Chủ tịch UBND tỉnh cho đơn vị sự nghiệp công lập.

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	CÁCH CHẤM ĐIỂM	TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
6.3.2	Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc xây dựng, cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trong năm	1,00	<p>1. Xây dựng và cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm hiện hành đầy đủ, kịp thời: 0,5 điểm.</p> <p>2. Cơ quan xây dựng dự thảo QCCTNB gửi quy chế đến cơ quan quản lý cấp trên: 0,5 điểm.</p> <p>- Cơ quan quản lý cấp trên yêu cầu ĐVSNNCL điều chỉnh quy chế cho phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức, do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thì ĐVSNNCL hoàn chỉnh theo ý kiến và gửi lại cho cơ quan quản lý cấp trên.</p> <p>- Sau thời hạn 15 ngày làm việc, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến thì đơn vị sự nghiệp ban hành QCCTNB để triển khai thực hiện; đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thì đơn vị sự nghiệp phải chứng minh thời điểm gửi dự thảo quy chế về đơn vị quản lý cấp trên để kiểm tra phục vụ chấm điểm.</p> <p>3. Trường hợp đơn vị tiếp tục sử dụng QCCTNB của năm trước có chứng minh QCCTNB của năm trước còn phù hợp với quy định hiện hành, qua kiểm tra QCCTNB Hội đồng chưa phát hiện vượt chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành: 1,00 điểm.</p> <p>4. Trường hợp xây dựng và cập nhật, bổ sung chưa đầy đủ, không kịp thời hoặc không xây dựng: 0 điểm.</p> <p><i>* Lưu ý: Áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp được Chủ tịch UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính.</i></p>	<p>- Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm hiện hành (Trường hợp có sửa đổi, bổ sung thì cung cấp quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, bổ sung và quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi, bổ sung).</p> <p>- Trường hợp đơn vị tiếp tục sử dụng QCCTNB của năm trước thì chứng minh (kèm theo các tài liệu có liên quan, ví dụ: Biên bản họp Ban Chấp hành Công đoàn; Biên bản Hội nghị viên chức,...) QCCTNB của năm trước còn phù hợp với quy định hiện hành.</p> <p>- Việc chứng minh thời gian gửi dự thảo quy chế về cơ quan cấp trên để kiểm tra, phục vụ chấm điểm (trong trường hợp cơ quan quản lý cấp trên không có văn bản yêu cầu cơ quan xây dựng quy chế điều chỉnh lại quy chế), ví dụ: Trên phần mềm thì chụp màn hình tại đơn vị đã gửi QCCTNB đến cơ quan cấp trên; Trường hợp bản giấy: dấu đóng công văn đến của cơ quan quản lý cấp trên</p> <p>- Công văn có ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).</p> <p>- Công văn thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).</p>
6.3.3	Thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm trước liền kề	1,00	<p>1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị: 0,5 điểm</p> <p>- Thể hiện đầy đủ nội dung, đúng mẫu biểu quy định: 0,25 điểm.</p> <p>- Gửi về Sở Tài chính chậm nhất ngày 28 tháng 02 năm sau (theo dấu đến của Sở Tài chính): 0,25 điểm.</p> <p>- Trường hợp chưa đảm bảo nội dung nào nội dung đó không có điểm. (Đơn vị chủ quản thống kê số lượng kèm tài liệu kiểm chứng để kiểm tra)</p> <p>2. Tình hình thanh tra, kiểm toán: 0,5 điểm</p> <p>- Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề:</p> <p>+ Không có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính: 0,5 điểm.</p> <p>+ Trường hợp có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính: 0 điểm.</p> <p>- Không có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: hạ điểm chuẩn.</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ theo mẫu quy định.</p> <p>- Cung cấp văn bản kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán. (Trường hợp không có thanh tra, kiểm tra thì thuyết minh rõ để phục vụ cho việc chấm điểm).</p>